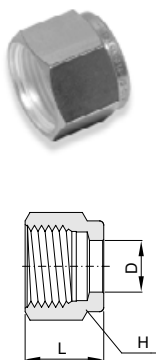


CN Nut

Hy-Lok



Nut CN



Fractional

Part No.	Tube OD D		Width across flat H (in.)	L
	in.	mm		
CN - 1	1/16	1.58	5/16	7.9
CN - 2	1/8	3.17	7/16	11.9
CN - 3	3/16	4.76	1/2	11.9
CN - 4	1/4	6.35	9/16	12.7
CN - 5	5/16	7.93	5/8	13.5
CN - 6	3/8	9.52	11/16	14.2
CN - 8	1/2	12.70	7/8	17.5
CN - 10	5/8	15.87	1	17.5
CN - 12	3/4	19.05	1-1/8	17.5
CN - 14	7/8	22.22	1-1/4	17.5
CN - 16	1	25.40	1-1/2	20.6
CN - 20	1-1/4	31.75	1-7/8	31.8
CN - 24	1-1/2	38.10	2-1/4	38.1
CN - 32	2	50.80	3	52.3

Metric

Part No.	Tube OD D	Width across flat H	L
CN - 2M	2	12	11.9
CN - 3M	3	12	11.9
CN - 4M	4	12	11.9
CN - 6M	6	14	12.7
CN - 8M	8	16	13.5
CN - 10M	10	19	15.1
CN - 12M	12	22	17.4
CN - 15M	15	25	17.4
CN - 16M	16	25	17.4
CN - 18M	18	30	17.4
CN - 20M	20	32	17.4
CN - 22M	22	32	17.4
CN - 25M	25	38	20.6
CN - 28M	28	46	30.6
CN - 32M	32	50	34.4
CN - 38M	38	60	40.6
CN - 42M	42	65	44.7
CN - 50M	50	3 in.	54.8

All dimensions are in millimeters unless otherwise specified.
Dimensions are for reference only, subject to change.